

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
Bản án số:66/2020/HS-ST  
Ngày 11 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

T phiên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Q, ông Nguyễn Đình P.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H- Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Vũ Như T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2020/TLST-HS, ngày 04/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đinh Hữu S, tên gọi khác: Không, sinh năm 1984 tại G, G, N

Nơi cư trú: Thôn Q, xã G, huyện G, tỉnh N; Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch : Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Đinh Hữu T và bà Nguyễn Thị H, có vợ là Trịnh Thị T và 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không

Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

2. Nguyễn Đình T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1976 tại xã G, huyện G, tỉnh N

Nơi cư trú: Thôn Q, xã G, huyện G, tỉnh N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12 ; con ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị M, có vợ là Trần Thị L và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

Các bị cáo đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đình Hữu S làm nghề lái xe taxi tại gia đình. Nhận thấy việc ghi bán số đề trái phép cho người chơi mang lại nhiều lợi nhuận, nên trong tháng 8/2020, S đã sử dụng điện thoại di động lắp số thuê bao “0915.547.733” để liên lạc nhận số đề với người chơi để kiếm lời. Hàng ngày, S ghi số đề của người chơi qua điện thoại, sau đó thanh toán tiền thắng thua vào ngày hôm sau. Cách thức chơi số đề như sau: Đối với số đề 02 số người chơi sẽ bỏ ra một số tiền để mua 02 con số từ 00 - 99, nếu 02 con số đó trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt của kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì người chơi trúng đề và được S trả gấp 80 lần số tiền mà họ bỏ ra để mua số đề. Đối với số đề 03 số người chơi sẽ bỏ ra một số tiền để mua 03 con số từ 000 - 999, nếu 03 con số đó trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt của kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì người chơi trúng đề và được S trả gấp 400 lần số tiền mà họ bỏ ra để mua số đề. Ngày 06/8/2020, S đã sử dụng điện thoại di động lắp số thuê bao “0915.547.733” ghi bán số đề với Nguyễn Đình T qua số thuê bao điện thoại của T là “0399.801.600”, cụ thể như sau:

Khoảng 17 giờ 32 phút ngày 06/8/2020, T gọi điện thoại cho S nói: “*Ghi cho anh con đề 71, 75, 79 mỗi con 100.000 đồng*”. Đến 17 giờ 34 phút cùng ngày, S nhắn tin cho T với nội dung: “*Đề 71. 75. 79. 100k. Tổng - 600k*” – ý là S đồng ý bán cho T các số đề trên với tổng số tiền là 300.000 đồng. Nhưng do trước đó T nợ 300.000 đồng tiền đi xe taxi nên S nhắn tin tổng số nợ của T là 600.000 đồng. Ngày 06/8/2020, T trúng số đề 75 số tiền 8.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và S sử dụng để đánh bạc ngày 06/8/2020 là 8.300.000 đồng, T và S đã thanh toán số tiền thắng thua với nhau.

Ngày 07/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G triệu tập Đình Hữu S đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T và S đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển 01 điện thoại di động nhãn hiệu Bavatel màu đen loại bàn phím, lắp số thuê bao 0399.801.600 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Grand vỏ màu trắng, lắp số thuê bao 0915.547.733 đến kho vật chứng của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện G để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 65/CT- VKS- GV, ngày 04/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Đình Hữu S. Nguyễn Đình T ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 321 khoản 1; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự (BLHS), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) đối với cả hai bị cáo: Xử phạt bị cáo Đình Hữu S từ 24.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 23.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Bavatel màu đen loại bàn phím, lắp số thuê bao

0399.801.600 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Grand vỏ màu trắng, lắp số thuê bao 0915.547.733; Truy thu số tiền 300.000 đồng của bị cáo Đinh Hữu S, truy thu số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đình T để nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Nhận thấy việc ghi bán số đề trái phép cho người chơi mang lại nhiều lợi nhuận, nên trong tháng 8/2020, S đã sử dụng điện thoại di động lắp số thuê bao “0915.547.733” để liên lạc nhận số đề với Nguyễn Đình T để kiếm lời. Cụ thể: Khoảng 17 giờ 32 phút ngày 06/8/2020, T gọi điện thoại cho S nói: “*Ghi cho anh con đề 71, 75, 79 mỗi con 100.000 đồng*”. Đến 17 giờ 34 phút cùng ngày, S nhắn tin cho T với nội dung xác nhận lại hai bên cho rõ: “*Đề 71. 75. 79. 100k. Tổng - 600k*” Trong đó T ghi các số đề trên với tổng số tiền là 300.000 đồng còn 300.000 đồng là tiền T đi xe taxi nợ S nhắn tin tổng số nợ của T là 600.000 đồng. Ngày 06/8/2020, T trúng số đề 75 số tiền 8.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và S sử dụng để đánh bạc ngày 06/8/2020 là 8.300.000 đồng đúng như Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên nên các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của các bị cáo và số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ.

[4] Các bị cáo đều là người đã T niên nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội.

[5] Về vai trò: Bị cáo S là người chủ mưu, khởi xướng rủ rê bị cáo T ghi số lô, số đề nên giữ vai trò đầu, Bị cáo T giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều là những người có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều T khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; Điều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đều là những người có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo T người tốt, đồng thời vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ xung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ xung đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Bavatel màu đen loại bàn phím, lắp số thuê bao 0399.801.600 thu giữ của Nguyễn Đình T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Grand vỏ màu trắng, lắp số thuê bao 0915.547.733 thu giữ của Đình Hữu S. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của T và S, sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo T chiếm hưởng khi đánh bạc tổng cộng là 8.000.000 đồng; số tiền bị cáo S chiếm hưởng khi tham gia đánh bạc tổng cộng là 300.000 đồng cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Ngày 07/8/2020, T gọi điện thoại cho S mua số đề 23, 24, 26, 27, 28, 624, 724 mỗi số 100.000 đồng, S đồng ý. So với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày, T không trúng. Như vậy, số tiền T và S sử dụng để đánh bạc ngày 07/8/2020 là 700.000 đồng. T và S đã thanh toán số tiền trên với nhau. Ngày 27/8/2020, T gọi điện thoại cho S mua số đề 61, 63, 67 mỗi số 100.000 đồng, S đồng ý. So với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày, T không trúng. Như vậy, số tiền T và S sử dụng để đánh bạc ngày 27/8/2020 là 300.000 đồng. Số tiền trên, T và S đã thanh toán với nhau. Trước khi thực hiện hành vi đánh bạc S và T chưa có tiền án, tiền sự về tội “*Đánh bạc*”, tội “*Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc*”; nên hành vi nêu trên của S và T chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” - quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Công an huyện G ra quyết định xử phạt hành chính (*phạt tiền*), truy thu số tiền đánh bạc đối với Nguyễn Đình T và chuyển hồ sơ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ra quyết định xử phạt hành chính (*phạt tiền*), truy thu số tiền đánh bạc đối với Đình Hữu S là thỏa đáng.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Các bị cáo Đình Hữu S, Nguyễn Đình T phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Xử phạt bị cáo Đình Hữu S 24.000.000 đồng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 23.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Bavatel màu đen loại bàn phím, lắp số thuê bao 0399.801.600 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Grand vỏ màu trắng, lắp số thuê bao 0915.547.733.

- Truy thu của bị cáo Đinh Hữu S số tiền 300.000 đồng, truy thu của bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 8.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

(Đặc điểm chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, ngày 11/11/2020).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Hữu S, Nguyễn Đình T mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh N;
- CQĐT Công an huyện G;
- Thi hành án dân sự H. G;
- Viện kiểm sát H. G;
- UBND xã G;
- Bị cáo;
- Người thân gia TT khác;
- Lưu HS, VP

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hữu Q**